

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3922/QĐ-ĐHCT ngày 15 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Khoa học Cây trồng** (Crop Science)

Mã ngành: 7620110

Số lượng tín chỉ: 161 TC

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Loại văn bằng: Kỹ sư

Hình thức đào tạo: Chính quy, Vừa làm vừa học, Đào tạo từ xa

Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp và trực tuyến

Đơn vị quản lý: Khoa Khoa học Cây trồng, Trường Nông nghiệp

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Đào tạo kỹ sư có trình độ đại học về lĩnh vực Khoa học Cây trồng, có kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp; có khả năng tiếp cận kỹ thuật mới, hiện đại; có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện, tự học tập, khởi nghiệp; có khả năng quản lý và sản xuất cây trồng bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu góp phần vào sự phát triển nền Nông nghiệp an toàn, bền vững, hiệu quả và hội nhập quốc tế.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

a. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, năng lực sử dụng tiếng Anh/Pháp và tin học theo quy định của trình độ đào tạo (PEO1).

b. Đào tạo sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào sản xuất tạo ra các sản phẩm trồng trọt có năng suất, chất lượng, an toàn, có sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao; sản xuất cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, góp phần phát triển nông nghiệp bền vững (PEO2).

c. Rèn luyện cho sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, học tập suốt đời, làm việc nhóm, tư duy phản biện, biết phân tích và giải quyết các vấn đề quan đến lĩnh vực cây trồng (PEO3).

d. Đào tạo sinh viên có năng lực làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (PEO4).

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Khoa học cây trồng trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Áp dụng những nguyên lý cơ bản của Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, kinh tế, chính trị để phát triển chuyên môn (PLO1).

b. Áp dụng được các kiến thức về pháp luật, quốc phòng - an ninh, công nghệ thông tin và ngoại ngữ để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn một cách khoa học và hiệu quả (PLO2).

3.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng tiếp thu kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực Khoa học cây trồng (PLO3).

b. Thiết kế và triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực cây trồng (PLO4).

3.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Xây dựng và thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất các loại cây trồng cũng như trong quản lý và sản xuất Cây trồng an toàn, hiệu quả và bền vững (PLO5);

b. Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật mới, hiện đại trong sản xuất cây trồng (PLO6).

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Sử dụng thành thạo Công nghệ thông tin, các phần mềm và thiết bị hiện đại trong sản xuất và quản lý cây trồng ở Đồng bằng sông Cửu Long (PLO7);

b. Thiết kế quy trình kỹ thuật sản xuất và quản lý cây trồng phù hợp với từng điều kiện canh tác (PLO8).

3.2.2 Kỹ năng mềm

a. Giao tiếp hiệu quả đa phương tiện bằng tiếng Việt và ngoại ngữ với đồng nghiệp và nông dân (PLO9);

b. Kiến tạo kỹ năng học tập suốt đời, tư duy phản biện, khởi nghiệp và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Cây trồng (PLO10).

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Duy trì thói quen học tập suốt đời và tư duy phản biện (PLO11);

b. Thể hiện các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của một kỹ sư ngành Khoa học cây trồng (PLO12).

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Các sở, ban, ngành trong lĩnh vực Nông nghiệp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Cục, Vụ thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Viện, trường đại học, cao đẳng chuyên ngành; các đơn vị sự nghiệp như trung tâm Khuyến nông, trung tâm Giống, Ban Quản lý dự án...

Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực Khoa học Cây trồng hoặc tham gia tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tự học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước về Khoa học Cây trồng cũng như các ngành gần.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

Luật Giáo dục Đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; Quy định về Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học; Tài liệu Đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA (phiên bản 4.0, 2021).

Chương trình đào tạo ngành Khoa học Cây trồng các trường: Đại học Nông lâm - Đại học Huế; Đại học Tây Nguyên; Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; Đại học Kỹ thuật quốc gia - Philippines; Đại học Illinois Urbana-Champaign (UIUC) và Đại học Bắc Carolina (NC State) - Hoa Kỳ; Đại học Hartpury - Anh.

7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10 AV hoặc PV	60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008
18	CT003	Năng lực số ứng dụng (*)	1	1		15			
19	CT004	Thực hành Năng lực số ứng dụng(*)	2	2			60		CT004
20	NS147	Nhập môn ngành Khoa học cây trồng	2	2		20	20		
21	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
22	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
23	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
24	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
25	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
26	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
27	TN009E	Toán cao cấp C	2	2		30			
28	TN021	Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	2	2		30			
29	TN022	TT. Hóa vô cơ và hữu cơ đại cương	1	1			30		TN021
30	TN025	Sinh học đại cương A1	2	2		30			
31	TN027	TT. Sinh học đại cương A1	1	1			30		
32	ML007	Logic học đại cương	2			30			
33	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
34	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
35	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30			
36	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
37	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
38	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
Cộng: 49 TC (Bắt buộc 34 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
39	NN111ET	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nông nghiệp	2	2		15	30		
40	NN184	Xác suất thống kê và phép thí nghiệm - KHCT	3	3		30	30	TN009E	
41	NN123	Sinh hóa B	2	2		30			
42	NN124	TT. Sinh hóa	1	1			30		
43	NN126E	Di truyền học đại cương	2	2		30			
44	NN127	TT. Di truyền học đại cương	1	1			30		
45	CS111	Vi sinh học đại cương B	2	2		20	20		
46	NN129T	Sinh lý thực vật B	2	2		30			
47	NN130	TT. Sinh lý thực vật	1	1			30		
48	SP169	Phân loại thực vật B	2	2		20	20		
49	CN097	Cơ khí nông nghiệp đại cương	2	2		30			
50	NN131	Thổ nhưỡng B	2	2		20	20		
51	NN529T	Phì nhiều đất B	2	2		20	20		
52	NN134E	Anh văn chuyên môn - KHCT	2		2	30			
53	XH019	Pháp văn chuyên môn - KH&CN	2			30			
54	NN450	Hệ thống tưới tiêu	2	2		20	20		
55	NN143	Hóa bảo vệ thực vật B	2	2		20	20		
56	NN185	Dinh dưỡng cây trồng	3	3		30	30		
57	NN373ET	Chọn giống cây trồng	2	2		20	20		
58	NN374	Côn trùng nông nghiệp	2	2		20	20		
59	NN359	Bệnh cây trồng	2	2		20	20		
60	NS456	Sinh thái học cây trồng	2			20	20		
61	CN004	Khí tượng thủy văn	2		2	20	20		
62	NS297E	Xây dựng và đánh giá dự án nông nghiệp	2			20	20		
Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 04 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
63	NN186	Cây lúa	3	3		30	30		
64	NS457	Sản xuất và quản lý cây rau	3	3		45			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
65	NS458	Thực hành Sản xuất và quản lý cây rau	2	2			60		NS457
66	NS459	Sản xuất và quản lý cây ăn trái	3	3			45		
67	NS460	Thực hành Sản xuất và quản lý cây ăn trái	2	2			60		NS459
68	NN362	Cây công nghiệp dài ngày	2	2		20	20		
69	NN363E	Cây công nghiệp ngắn ngày	2	2		20	20		
70	NN370	Cây màu	2	2		20	20		
71	NN377E	Hệ thống canh tác	2	2		30			
72	NS461	Nấm ăn và nấm dược liệu	2	2		20	20		
73	NS148	Thực tập cơ sở: Quản lý và sản xuất cây trồng	2	2			60	NN186, NS458,	
74	NS149	TT. Cơ sở: Ứng dụng công nghệ cao trong Nông nghiệp	3	3			90	NS460, NN362,	
75	NN195	Thực tập giáo trình - KHCT	2	2			60	NN363E, NN370	
76	NN358ET	Bảo quản sau thu hoạch	2	2		20	20		
77	NN414	Cò đại	2	2		20	20		
78	NS195	Thực hành nghề nghiệp	4	4			120		
79	NN477	Cây dược liệu	2	2		15	30		
80	NN326E	Khuyến nông	2	2		20	20		
81	NN389E	Sản xuất cây trồng quy mô trang trại	2	2		30			
82	NN390E	Thực hành nông nghiệp tốt (GAP)	2	2		20	20		
83	NS268E	Quản lý Cây trồng tổng hợp (ICM)	2	2		20	20		
84	TN340E	Nuôi cây mô Thực vật	2			20	20		
85	NN372	Cây thức ăn gia súc	2			20	20		
86	NN286E	Nông nghiệp sạch và bền vững	2			20	20		
87	NS407ET	Ánh sáng nhân tạo ứng dụng trong nông nghiệp	2			30			
88	NS416	Trồng cây không sử dụng đất	2			20	20		
89	NS150T	Nông nghiệp đô thị	2			20	20		
90	NS151	Vi sinh vật liên kết thực vật	2			20	20		
91	NS144	Kỹ thuật canh tác cây trồng giảm phát thải	2			20	20		
92	NS152	Kỹ thuật canh tác cây trồng trong nông nghiệp hữu cơ	2			20	20		
93	NS153	Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý và sản xuất nông nghiệp	2			20	20		
94	NS154	Canh tác cây thủy sinh	2			20	20		
95	NS516	Luận văn tốt nghiệp - KHCT	15				450	≥ 120TC	
96	NS429	Tiểu luận tốt nghiệp - KHCT	6				180	≥ 120TC	
97	NS266	Phương pháp đánh giá tác động môi trường trong canh tác cây trồng	2			20	20		
98	NS264E	Nông nghiệp công nghệ cao	2			25	10		
99	NS265	Phương pháp chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp	2			20	20		
100	NN378	IPM trong bảo vệ thực vật	2			20	20		
101	NS383	Công nghệ sinh học thực vật	2			20	20		
102	PD316	Quản trị doanh nghiệp nông thôn	2			25	10		
103	NN518	Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh	3			30	30		
Cộng: 71 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 23 TC)									
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 119 TC; Tự chọn: 42 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

**TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP
HIỆU TRƯỞNG**

Trần Trung Tính

Trần Ngọc Hải

Lê Văn Vàng